

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hội, quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Thực hiện Quyết định số 817/QĐ-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4909/TTr-SNV-TG ngày 26/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành (07 TTHC cấp tỉnh, 07 TTHC cấp huyện) trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hội, quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

(Chi tiết tại phần A phụ lục kèm theo Quyết định)

Phụ lục danh mục và nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (địa chỉ: [csdl.dichvucong.gov.vn](#)); Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: [dichvucong.hoabinh.gov.vn](#)), Cổng Thông tin điện tử tỉnh (địa chỉ: [hoabinh.gov.vn](#)); Trang Thông tin điện tử của Văn phòng

UBND tỉnh (địa chỉ: <https://vpubnd.hoabinh.gov.vn>), Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tỉnh Hoà Bình (địa chỉ: <http://sonoivu.hoabinh.gov.vn>), Trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Hoà Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2024.

Bãi bỏ các nội dung cụ thể như sau:

- Bãi bỏ 09 TTHC lĩnh vực Quỹ tại Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Hoà Bình;

- Bãi bỏ 09 TTHC lĩnh vực Quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tại Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Hoà Bình;

- 09 TTHC lĩnh vực Quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tại Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

- Bãi bỏ 09 TTHC lĩnh vực Quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tại Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận/không tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã trên địa bàn tỉnh Hoà Bình;

- Bãi bỏ 09 TTHC lĩnh vực Quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tại Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh Hoà Bình;

- Bãi bỏ 07 TTHC lĩnh vực Quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tại Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Hoà Bình;

- Bãi bỏ 07 TTHC lĩnh vực Quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tại Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cắt giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Hoà Bình.

(Chi tiết tại phần B phụ lục kèm theo Quyết định)

Điều 3. Các TTHC công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện theo quy định.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ TTHC tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC lĩnh vực Quỹ thuộc phạm vi quản lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thời gian chậm nhất ngày 03/12/2024.

- Đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng TTHC tại Quyết định này trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị và niêm yết, công khai tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu TTHC tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan căn cứ quy trình tại Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Niem yết, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Trang thông tin điện tử của địa phương và thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo quy định.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh ;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Ng.45b)

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh

Phụ lục
DANH MỤC QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 93/2019/NĐ-CP NGÀY 25/11/2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 136/2024/NĐ-CP NGÀY 23/10/2024 CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 93/2019/NĐ-CP, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HOÀ BÌNH
(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. TTHC BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản QPPL quy định TTHC	Mức độ dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
I. TTHC CẤP TỈNH: 07 THỦ TỤC							
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ Mã: 1.013017.H28	Không quá 60 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở Nội vụ
2	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi,	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở Nội vụ

STT	Tên thủ tục hành chính/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản QPPL quy định TTHC	Mức độ dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
	bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ Mã: 1.013018.H28						
3	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ Mã: 1.013019.H28	Không quá 60 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở Nội vụ
4	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ Mã: 1.013020.H28	Không quá 60 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở Nội vụ
5	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động Mã: 1.013021.H28	Không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở Nội vụ
6	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách,	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở Nội vụ

STT	Tên thủ tục hành chính/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản QPPL quy định TTHC	Mức độ dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
	mở rộng phạm vi hoạt động quỹ Mã: 1.013022.H28	tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	tuyển đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh		và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP		
7	Thủ tục quỹ tự giải thể Mã: 1.013023.H28	Không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở Nội vụ
II. TTHC CẤP HUYỆN: 07 THỦ TỤC							
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ Mã: 1.013024.H28	Không quá 60 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp huyện
2	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản QPPL quy định TTHC	Mức độ dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
	Hội đồng quản lý quỹ Mã: 1.013025.H28						
3	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ Mã: 1.013026.H28	Không quá 60 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp huyện
4	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ Mã: 1.013027.H28	Không quá 60 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp huyện
5	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động Mã: 1.013028.H28	Không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp huyện
6	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Bộ phận	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản QPPL quy định TTHC	Mức độ dịch vụ công	Cơ quan thực hiện
	Mã: 1.013029.H28	tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện				
7	Thủ tục quỹ tự giải thể Mã: 1.013030.H28	Không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không có	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP	Toàn trình	UBND cấp huyện

Phần II. Nội dung cụ thể còn lại của từng TTHC tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 817/QĐ-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (địa chỉ: csdl.thutuchanhchinh.gov.vn), Công Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: dichvucong.hoabinh.gov.vn), Công Thông tin điện tử tỉnh (địa chỉ: hoabinh.gov.vn); Trang Thông tin điện tử của các cơ quan liên quan./.

B. TTHC BÃI BỎ: 09 THỦ TỤC CẤP TỈNH

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định bãi bỏ TTHC	Văn bản quy định TTHC hết hiệu lực
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 09 THỦ TỤC				
1	1.003822	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP; Quyết định số 817/QĐ-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Bãi bỏ các TTHC cấp tỉnh lĩnh vực hội tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể gồm: - 09 TTHC tại số thứ tự 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 điểm a, mục III, phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình; - 09 TTHC tại số thứ tự 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 mục II, phần A Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình; - 09 TTHC tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - 09 TTHC tại số thứ tự 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95 mục XIV, Phụ lục I.15 ban hành kèm theo Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình; - 09 TTHC tại số thứ tự 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95 mục IX, Phần A, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số
2	2.001590	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		
3	2.001567	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ		
4	1.003621	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ		
5	1.003916	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		
6	1.003950	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động		

7	1.003920	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ		888/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; - 07 TTHC tại số thứ tự 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 mục XII, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; - 07 TTHC tại số thứ tự 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
8	1.003879	Thủ tục đổi tên quỹ		
9	1.003866	Thủ tục quỹ tự giải thể		